

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2019
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành.

2. Bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 430/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST – HNGĐ ngày 04-9-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Trình Mỹ D, sinh ngày 27-8-1993

Địa chỉ: 65 L L, thị trấn P H, huyện C P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh ngày 07-9-1996

Địa chỉ: 66/6 L C T, tổ 3, phường C L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nhận ngày 12-6-2019, bản tự khai ngày 18-6-2019, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Trình Mỹ Duyên trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Q tự nguyện chung sống với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P H, huyện C P, tỉnh Gia Lai.

Anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng luôn cãi vã, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không thành thật và nợ bên ngoài rất nhiều, số nợ do anh Q gây nên chị D không biết. Cũng vì việc anh Q nợ nần có nhiều lần chủ nợ đến nơi chị và ga đình chị sinh sống để hăm dọa và làm phiền cuộc sống của chị. Hiện tại chị và anh Q không còn chung

sống với nhau, không ai quan tâm và trách nhiệm gì tới nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q đã thật sự mất hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Q.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống chị và anh Lê Văn Q có một con chung là Lê Võ Minh K, sinh ngày 01-6-2018, con hiện đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh Quang cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

Đối với bị đơn anh Lê Văn Q có lời khai tại bản tự khai ngày 21-6-2019 như sau:

Về hôn nhân: Về hoàn cảnh và điều kiện kết hôn anh Q thống nhất với ý kiến như chị D trình bày. Sau khi kết hôn khoảng hai tháng thì giữa anh và chị D xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh nợ nần nhiều không đem lại hạnh phúc cho chị D. Nay chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là cháu Lê Võ Minh K, sinh ngày 01-6-2018. Ly hôn anh đồng ý giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng vì con còn nhỏ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh và chị D tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa giải quyết

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Q xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với anh Lê Văn Q. Tuy nhiên, anh Lê Văn Q không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có lời khai tại phiên tòa.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện; Giấy CMND của chị Võ Trình Mỹ D; Giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân thị trấn P H, huyện C P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 07-5-2018 và 01 bản sao có chứng thực Giấy khai sinh của Lê Võ Minh K; 01 (Một) Sổ hộ khẩu gia đình; Bản tự khai của các đương sự; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12-7-2019 và ngày 29-7-2019; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được các ngày 12-7-2019 và ngày 29-7-2019; Biên bản xác minh ngày 12-7-2019.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Trình Mỹ D:

Chị Võ Trinh Mỹ D được ly hôn với anh Lê Văn Q; giao cháu Lê Võ Minh K, sinh ngày 01-6-2018 cho chị Võ Trinh Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và buộc chị Võ Trinh Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:* Chị Võ Trinh Mỹ D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con với anh Lê Văn Q theo quy định của pháp luật. Đơn khởi kiện của chị Võ Trinh Mỹ D được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Anh Lê Văn Q cư trú tại 66/6 L C T, tổ 3, phường C L, thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:* Bị đơn là anh Lê Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về hôn nhân: Chị Võ Trinh Mỹ D và anh Lê Văn Q tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P H, huyện C P, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 07 tháng 5 năm 2018. Vì vậy, hôn nhân giữa chị D và anh Q là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Võ Trinh Mỹ D thì thấy, yêu cầu ly hôn của chị D được anh Q đồng ý. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản đề chị D và anh Q đến Tòa án tham gia hòa giải đoàn tụ nhưng anh Q đều vắng mặt chứng tỏ anh Q không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không. Như vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Q là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị Võ Trinh Mỹ D và anh Lê Văn Q có một con chung là Lê Võ Minh K, sinh ngày 01-6-2018. Ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung.

Yêu cầu nuôi con của D trong quá trình giải quyết vụ án được anh Q chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D và anh Q; giao cho chị Võ Trinh Mỹ D được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Võ Minh K, sinh ngày 01-6-2018 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Trinh Mỹ D và anh Lê Văn Q không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Trình Mỹ D và anh Lê Văn Q không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về án phí: Chị Võ Trình Mỹ D là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Võ Trình Mỹ D**.

- Về hôn nhân: Chị **Võ Trình Mỹ D** được ly hôn với anh Lê Văn Q.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Võ Minh K, sinh ngày 01-6-2018 cho chị Võ Trình Mỹ D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Thời gian giao nuôi con từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Võ Trình Mỹ D và anh Lê Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

2. Về án phí: **Chị Võ Trình Mỹ D** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001568 ngày 18-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử

phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Pleiku;
 - Chi cục THADS Tp P;
 - TAND tỉnh Gia Lai;
 - UBND thị trấn P H, huyện C P,
- Tỉnh Gia Lai(Giấy CNKH số 16/2018
ngày 07-5-2018);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

